

Số: 273 /QĐ-SXD

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu ngân nhà nước – chi ngân sách địa phương năm 2020 của Sở Xây dựng Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-STC ngày 09/12/2019 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2020;


Xét đề nghị Văn phòng sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu ngân sách năm 2020 của Sở Xây dựng (theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký .

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Chánh Thanh tra Sở; các Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Sở và toàn thể cán bộ, công chức có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP Dung

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Mạnh Dũng



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số: 273/QĐ-SXD ngày 31/12/2019 của Sở Xây dựng)

Chương 422

ĐVT: triệu đồng

LOẠI/ KHOẢN	NỘI DUNG	TỔNG DỰ TOÁN GIAO	Trong đó				Giảm trừ theo kiến nghị kiểm toán	Dự toán đơn vị được sử dụng
			Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương của ngân	Dự toán sau khi trừ tiết kiệm	Bao gồm			
					Nguồn cải cách tiền lương	Nguồn ngân sách cấp tỉnh		
A	B	(1) = (2)+(3)	3)=(4)+(5)+(6	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (3)-(7)
	I./ TỔNG DỰ TOÁN THU NS							
	1/ Tổng thu lệ phí							
	- Lệ phí thông báo tiếp nhận công bố hợp quy	10						
	- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề họa động xây dựng, cho phép nhà thầu nước ngoài	400						
	- Lệ phí cấp phép xây dựng	10						
	2/ Tổng số thu phí	1.180						
	- Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	15						
	- phí thẩm định DADT	15						
	- Phí thẩm định báo cáo NCKT	130						
	- Phí thẩm định BVKT	120						
	- Phí phẩm định TKCS	450						
	- Phí thẩm định ĐAQH	450						
	3/ Chi từ nguồn thu được để lại	926						
	- Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	13						
	- Phí thẩm định DADT	13						
	- Phí thẩm định báo cáo NCKT	117						
	- Phí thẩm định BVKT	108						
	- Phí phẩm định TKCS	225						



	- Phí thẩm định ĐAQH	450					
	4/ Số phí, lệ phí nộp NSNN	254					
	- Phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	2					
	- Phí thẩm định DADT	2					
	- Phí thẩm định báo cáo NCKT	13					
	- Phí thẩm định BVKT	12					
	- Phí phẩm định TKCS	225					
	- Phí thẩm định ĐAQH	-					
340	II./ DỰ TOÁN CHI NS	13.832					
	Bao gồm	13.832					
	1.1 Chi QLNN	13.833	701	13.132	13.132	-	13.132
	1,1 Văn phòng sở	13.833	701	13.132	13.132	-	13.132
	A. Chi phí hoạt động thường xuyên (biên chế)	9.480	390	9.090	9.090	-	9.090
	+ Chi cho con người (71 người)	5.575	-	5.575	5.575	-	5.575
	+ Chi hoạt động (71 biên chế x 55 triệu/biên chế)	3.905	390	3.515	3.515	-	3.515
	B. Kinh phí không thường xuyên	4.353	311	4.042	4.042	-	4.042
	+ Chi con người hợp đồng 161	277	-	277	277	-	277
	+ Chi hoạt động (5 biên chế x 55 triệu/biên chế)	276	28	248	248	-	248
	+ Kinh phí phục vụ thu xử lý phạt vi phạm hành chính sau thanh tra	310	-	310	310	-	310
	+ Kinh phí trang phục thanh tra	60	-	60	60	-	60
	+ Kinh phí phục vụ thu lệ phí	185	-	185	185	-	185
	+ Kinh phí xây dựng chỉ số giá hàng năm	414	-	414	414	-	414
	+ Kinh phí bổ sung dự toán chỉnh lý tài liệu	1.300	130	1.170	1.170	-	1.170
	+ Kinh phí Xây dựng quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh	1.531	153	1.378	1.378	-	1.378



10/10